I. MIỆNG GIÓ SỌT TRỨNG.

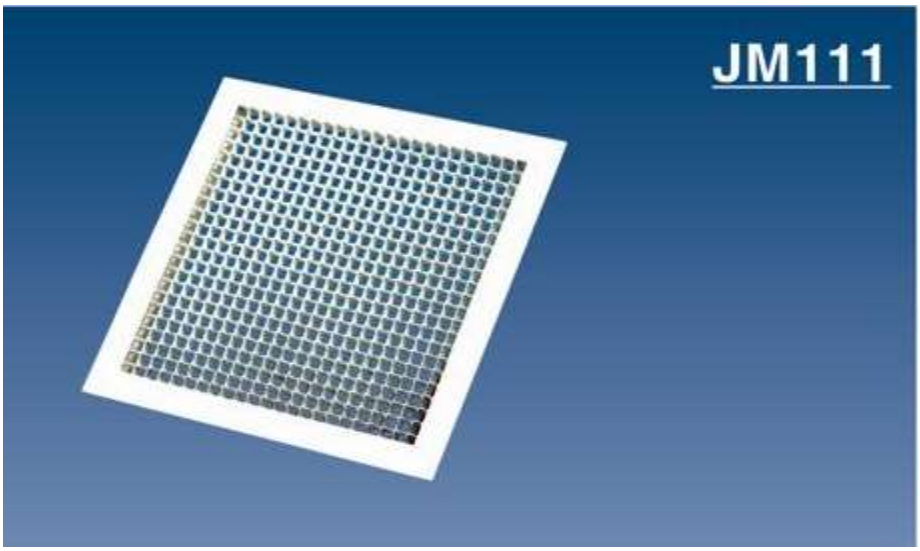

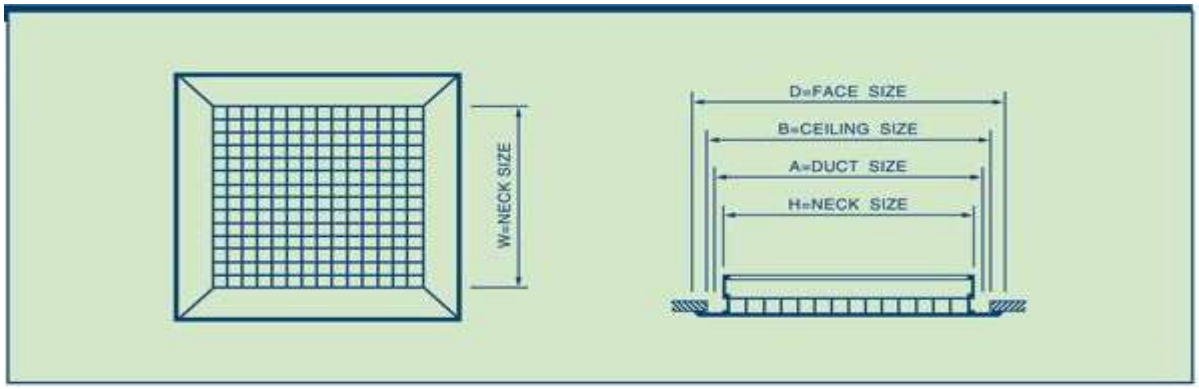

Mô tả:

- Thông thường được dùng để làm cửa hút gió thải toilet.
- Vị trí lắp đặt trên trần
- Có thể gắn thêm van điều chỉnh lưu lượng gió.

Vật liệu – Màu sắc:

- Cánh (lá), khung được làm bằng nhôm định hình nhẹ nhưng rất chắc chắn.

- Sản phẩm được phủ sơn tĩnh điện màu trắng sữa hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

1. Thông số vật lý:

Loại cửa	Độ dày		KT Cổ W x H	KT Ống gió	KT Tường	KT mặt
	Khung	Lá				
EAG	1.2	1.0	400 x 150 450 x 150 500 x 150 500 x 200	W + 10 H + 10	W + 15 H + 15	W + 30 H + 30

2. Thông số kỹ thuật:

KT bề mặt (mm)	Vận tốc không khí ra khỏi miệng gió (m/s)										
Diện tích (m^2)		0.5	1	1.5	2	2.5	3	3.5	4	4.5	5
150 x 150 (0.023)	Tiết diện (m^2)	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013	0.013
	Lưu lượng (m^3/h)	0.006	0.013	0.019	0.025	0.032	0.038	0.044	0.051	0.057	0.063
		23	46	68	91	114	137	159	182	205	228
	Khoảng cách (m)	2.1	4.8	7.4	10.0	11.0	13.2	14.0	16.0	18.1	20.1
	Độ ồn (dB)	< 15	< 15	< 17	< 17	< 19	< 22	< 23	< 26	< 28	< 30
200 x 200 (0.04)	Tiết diện (m^2)	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022	0.022
	Lưu lượng (m^3/h)	0.011	0.022	0.033	0.044	0.055	0.066	0.077	0.088	0.099	0.110
		40	79	119	158	198	238	277	317	356	396
	Khoảng cách (m)	2.0	4.5	4.9	9.3	10.3	12.3	13.0	15.0	16.9	18.7
	Độ ồn (dB)	< 16	< 17	< 19	< 21	< 21	< 25	< 25	< 30	< 32	< 35
250 x 250 (0.063)	Tiết diện (m^2)	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035	0.035
	Lưu lượng (m^3/h)	0.017	0.035	0.052	0.069	0.087	0.104	0.121	0.139	0.156	0.173
		62	125	187	249	312	374	437	499	561	624
	Khoảng cách (m)	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2	2.2
	Độ ồn (dB)	< 17	< 19	< 20	< 23	< 24	< 27	< 30	< 31	< 35	< 37
300 x 300 (0.09)	Tiết diện (m^2)	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050	0.050
	Lưu lượng (m^3/h)	0.025	0.050	0.074	0.099	0.124	0.149	0.173	0.198	0.223	0.248
		89	178	267	356	446	535	624	713	802	891
	Khoảng cách (m)	2.2	5.0	7.8	10.4	11.5	13.8	14.6	16.7	18.9	20.0
	Độ ồn (dB)	< 22	< 22	< 26	< 29	< 31	< 35	< 38	< 41	< 43	< 43